TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2026/QĐST-HNGĐ	*Cần Thơ, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Căn cứ Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2026/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc *yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Bà **Nguyễn Thị T,** sinh ngày 24/4/1990; CCCD số: 093190009713;

Địa chỉ: Tổ A, P, phường B, tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ tạm trú: 128, T, phường T, thành phố Cần Thơ.

Ông **Nguyễn Đình D,** sinh ngày 11/9/1979; CCCD số: 056079016884;

Địa chỉ: Tổ A, P, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D qua quen biết, tìm hiểu thì tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (cũ) ngày 31/12/2009 (Nay là *UBND xã T, thành phố Cần Thơ*).

Trong thời gian vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D thống nhất trình bày có 02 (Hai) con chung với nhau, tên Nguyễn Ngọc Minh T1 (N), sinh ngày 19/9/2011 và Nguyễn Ngọc Phương L (Nữ), sinh ngày 27/9/2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D thống nhất trình bày không có.

Hiện nay, cả hai cùng nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa; Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D cùng đồng thuận ly hôn với nhau; Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D thống nhất khi ly hôn sẽ giao

Nguyễn Ngọc Minh T1 cho ông Nguyễn Đình D trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn Ngọc Phương L cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Bà T và ông D đều không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D thống nhất trình bày không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ công nhận thỏa thuận này của ông, bà.

[2]. Ngày 21 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ tiến hành hòa giải, động viên bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng các đương sự vẫn bảo lưu ý kiến về việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung nên hòa giải đoàn tụ không thành.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D cùng xác định có 02 (Hai) con chung với nhau, tên Nguyễn Ngọc Minh T1 (N), sinh ngày 19/9/2011 và Nguyễn Ngọc Phương L (Nữ), sinh ngày 27/9/2014. Khi ly hôn, bà T và ông D thống nhất giao Nguyễn Ngọc Minh T1 cho ông Nguyễn Đình D trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn Ngọc Phương L cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng;

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D đều không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình D cùng xác định không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0005179 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, công nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 1-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã Thạnh Hòa, TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

BÙI XUÂN ÁNH